



Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

Địa chỉ : Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội

Điện thoại : 024.33816999

Fax : 024.35990555

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN 2018**

## MỤC LỤC

### THÔNG TIN CHUNG

11 - 29

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

30 - 39

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

40 - 48

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

49 - 52

### BÁO CÁO QUẢN TRỊ

53 - 58

### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

59 - 63

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

64 - 88

## DANH MỤC VIẾT TẮT

Công ty	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
TV HĐQT	Thành viên HĐQT
BKS	Ban kiểm soát
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
CB CNV	Cán bộ công nhân viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam, tôi xin gửi tới Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư lời chào trân trọng nhất cũng như lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2018 là một năm phát triển tốt cho nền kinh tế Việt Nam khi cả 12/12 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu đề ra, như tăng trưởng GDP tăng trưởng cao nhất 10 năm qua với 7.08%, vốn FDI đạt mức 19,1 tỷ USD tăng 9,1% so với cùng kỳ, xuất nhập khẩu vượt mốc 482 tỷ USD, lạm phát được kiểm soát tốt ở dưới 3,6%. Trong năm 2018, cả nước có 131,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.478,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5% về số doanh nghiệp và tăng 14,1% về số vốn đăng ký so với năm 2017. Những thành tựu trên đã mở ra một bức tranh tươi sáng cho nền kinh tế Việt Nam. Đối với ngành thực phẩm đồ uống Việt Nam, trong năm 2018 vừa qua, với sức hút lớn từ thị trường gần 100 triệu dân của Việt Nam, lĩnh vực thực phẩm nói chung và ngành hàng thực phẩm đồ uống nói riêng đang là thời nam châm về thu hút các nhà đầu tư ngoại.

Theo Tổng cục Thống kê, quy mô của ngành thực phẩm và đồ uống hiện chiếm khoảng 15% trong GDP. Quy mô thị trường trên 93 triệu người cộng với xu hướng tiêu dùng nhanh đang tăng lên là lợi thế rất lớn cho các doanh nghiệp ngành này. Dự báo ngành công nghiệp thực phẩm của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10,9%/năm nhờ thu nhập người dân cải thiện và xu hướng tiêu dùng sản phẩm có giá trị cao hơn sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng. Nhu cầu tiêu dùng thực phẩm và đồ uống sẽ có những bước chuyển tích cực trong tất cả các phân khúc đi kèm với sự dịch chuyển lên nhóm hàng thực phẩm có giá trị cao trong tương lai, hứa hẹn cơ hội tăng trưởng mạnh cho các công ty thực phẩm và thức uống có lợi cho sức khỏe. Nhìn tổng quan ngành, các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống Việt Nam có triển vọng sáng sủa trong thời gian tới.

Thay mặt lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam, xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý khách hàng, Quý cổ đông đã luôn đồng hành, đóng góp tích cực, ủng hộ và tin tưởng công ty trong suốt 10 năm qua. Trong thời gian tới, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự đóng góp, ủng hộ tích cực từ các quý vị. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự đồng lòng của đội ngũ công nhân viên, sự quyết tâm của ban lãnh đạo và sự tin tưởng của quý vị, công ty sẽ vượt được qua các khó khăn hiện tại và ngày càng phát triển bền vững.

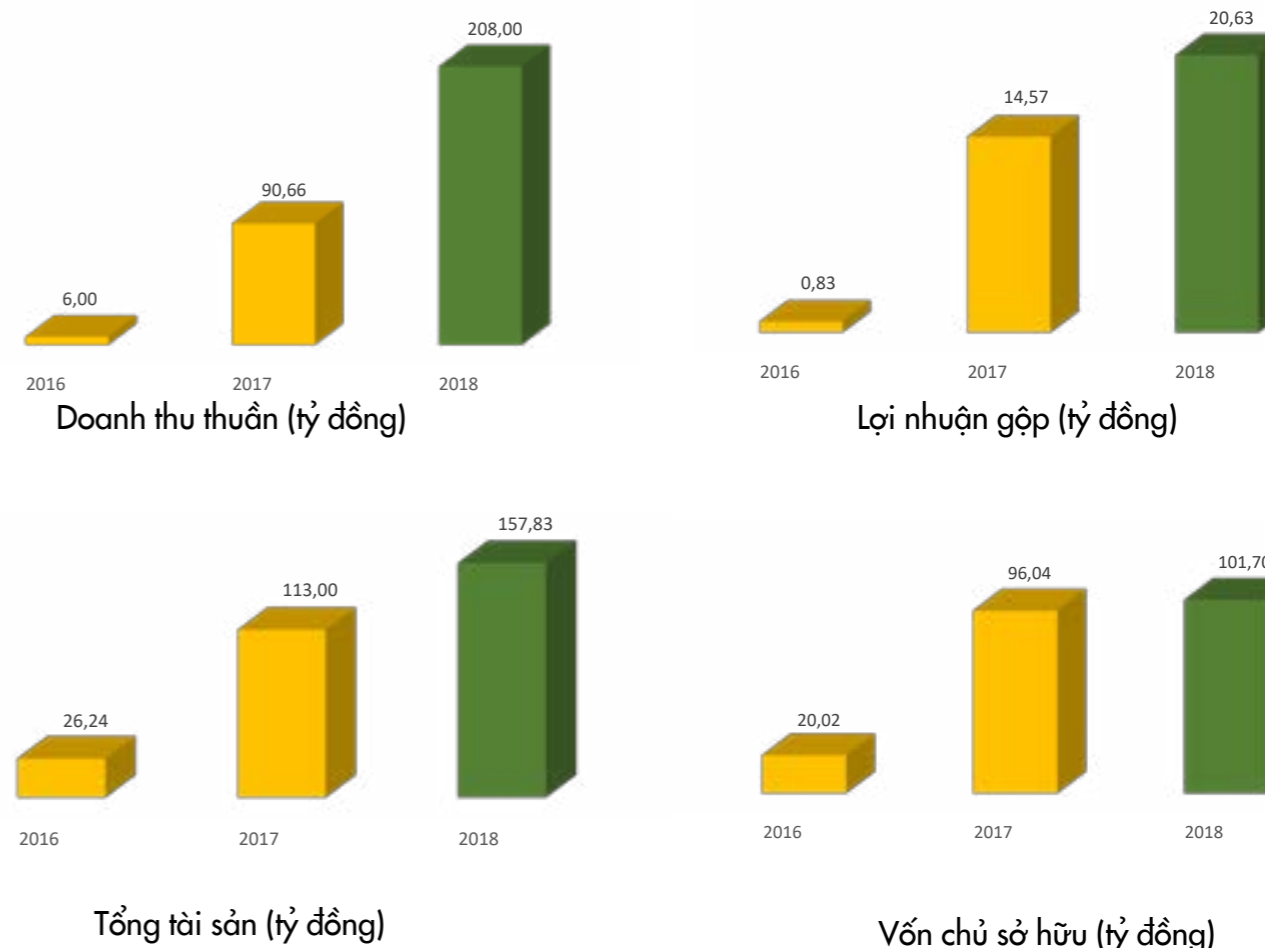
Xin chân thành cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Tiến Vinh

## CHỈ SỐ NỔI BẬT



Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6,38	90,66	208,00
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	5,55	76,08	187,36
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,04	10,02	7,08
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,03	8,02	5,65
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	26,24	113,00	157,83
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	20,02	96,04	101,70
Nợ phải trả	Tỷ đồng	6,21	16,95	56,12
<b>Chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>				
ROE	%	0,15%	8,35%	5,56%
ROA	%	0,11%	7,10%	3,58%

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### Sáng tạo

Sáng tạo sản phẩm và dịch vụ chất lượng hoàn hảo mang dấu ấn tri thức Vinaherbfoods .

### Trách nhiệm

Cam kết và thực hiện cam kết trách nhiệm với xã hội, cổ đông, khách hàng, đối tác và người lao động trên nguyên tắc đồng lợi.

### Chính trực

Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

### Công bằng

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

### Đạo đức

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.

### Công bằng

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

### Kỷ luật

Tuân thủ Luật pháp, Bộ Quy Tắc Ứng Xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

## SỨ MỆNH

- VINAHERBFOODS hiện thực hóa mọi cam kết, mang đến cho cộng đồng những sản phẩm chất lượng cao cấp hàng đầu bằng chính sự trân trọng, trách nhiệm cao với cuộc sống con người và xã hội.
- Luôn tiên phong sáng tạo trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng.

## TẦM NHÌN

- Trở thành biểu tượng niềm tin hàng đầu Việt Nam về sản phẩm phục vụ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống con người.
- Đến năm 2025 là doanh nghiệp số 1 Việt Nam về tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, vốn hóa thị trường.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

2019: Công ty tập trung phát triển thị trường đồ uống trong nước và xuất khẩu, song song với việc duy trì và phát triển xuất khẩu dược liệu, đồng thời đưa ra thị trường sản phẩm đồ uống mới nhằm đa dạng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.

2020: Công ty dự kiến xúc tiến đầu tư nhà máy chiết xuất hoạt chất, đồng thời triển khai vùng dược liệu đủ lớn để tạo thế chủ động nguyên liệu

2023: Đầu tư mở rộng nhà máy đồ uống.

2025: Tập trung và củng cố gia tăng giá trị cốt lõi, duy trì và tạo dựng vị thế doanh nghiệp trong lĩnh vực sản phẩm sạch, đồ uống sản xuất từ thảo dược. Phát triển thị phần trong nước về hoạt chất ngành dược, thực phẩm chức năng, thực phẩm có lợi cho sức khỏe.



## GIẢI THƯỞNG



Sản phẩm Nước uống thảo dược Wewell của CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (MCK: VHE) đã vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm vàng vì sức khoẻ cộng đồng” giải thưởng trao tặng bởi Hiệp hội Thực phẩm Chức năng Việt Nam, Bộ Y tế.



## THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	VINAHERBFOODS JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0107409148
Vốn điều lệ	88.000.000.000 VNĐ
Địa chỉ	Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	243.3816999
Số fax	243.5990555
Website	<a href="http://vinaherbfoods.com/">http://vinaherbfoods.com/</a>
Mã cổ phiếu	VHE

Logo



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2016

Công ty thành lập và chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức CTCP vào ngày 25 tháng 4 năm 2016 với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, trụ sở chính Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2017

Công ty tập trung vào đầu tư công nghệ và xây dựng nhà máy sản xuất đồ uống thảo mộc. Trong giai đoạn này, doanh thu của công ty chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu dược liệu.

2018

Công ty đưa ra thị trường sản phẩm nước uống thảo dược với 3 sản phẩm chính phục vụ thị trường trong nước bên cạnh việc duy trì và phát triển thị trường xuất khẩu. Đây sẽ là dòng sản phẩm trọng tâm của công ty đem lại nguồn lợi nhuận tốt trong thời gian tới.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

Xuất khẩu thảo dược (quế, hồi, thảo quả), hồ tiêu

Sản xuất nước uống thảo dược

### Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và xuất khẩu



## CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH

Quế



Hồi



Thảo quả



Hồ tiêu





NƯỚC UỐNG THẢO DƯỢC HƯƠNG QUẾ



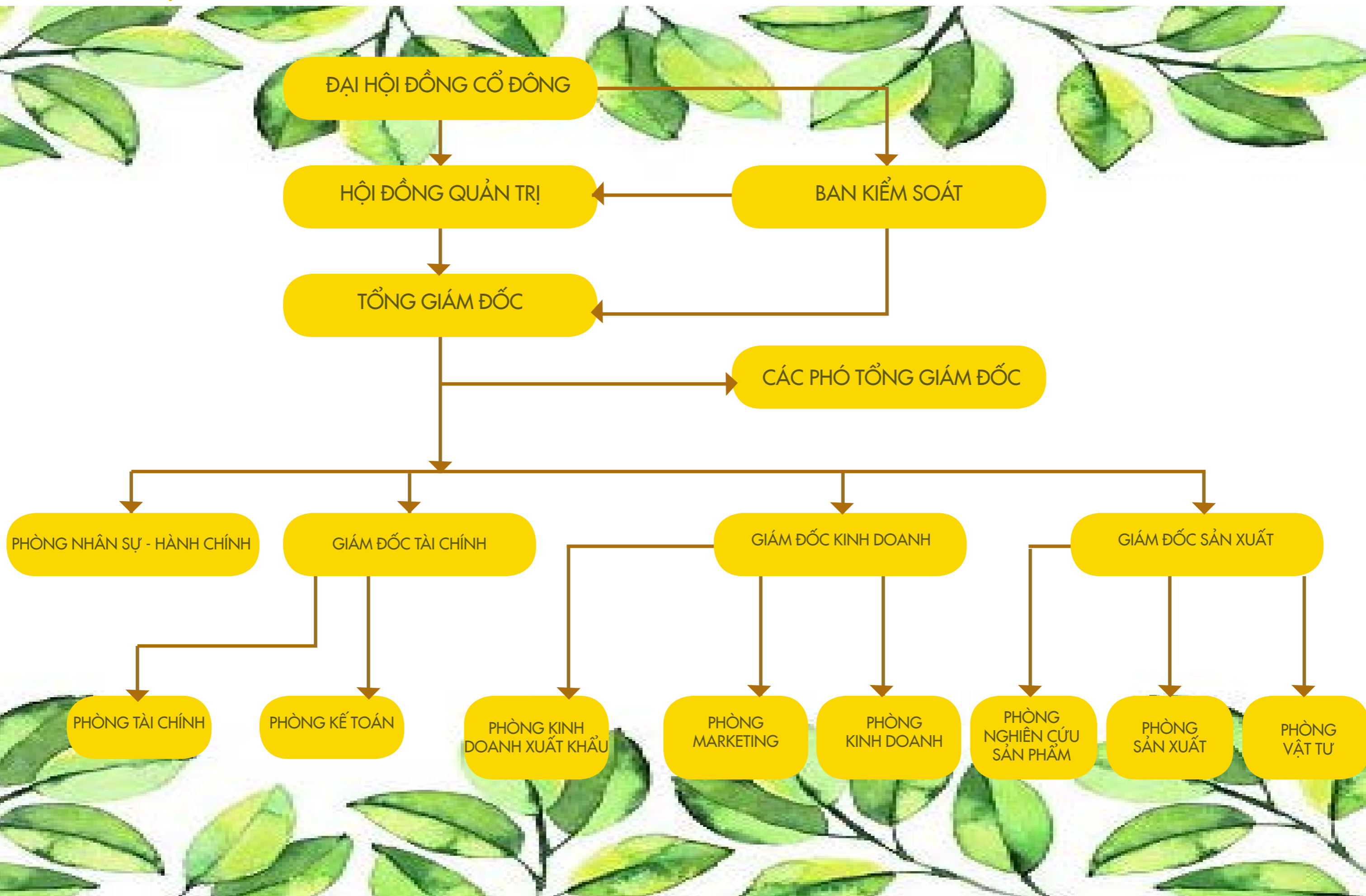
NƯỚC UỐNG THẢO DƯỢC THỔ PHỤC LINH



NƯỚC UỐNG THẢO DƯỢC ĐINH LĂNG







## DIỄN GIẢI BỘ MÁY

### Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu hoặc bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

### Hội đồng quản trị

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hoạt động kinh doanh và công việc khác của Công ty phải được quản lý hoặc chịu sự điều hành của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

### Ban giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng giám đốc là người thay mặt Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền; đối với những vấn đề lớn, quan trọng phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến Tổng giám đốc.

### Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm có 3 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

### Giám đốc tài chính

Giám đốc tài chính là quản lý tài chính như nghiên cứu, phân tích và xử lý các mối quan hệ tài chính trong doanh nghiệp; xây dựng các kế hoạch tài chính; khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, cảnh báo các nguy cơ đối với doanh nghiệp thông qua phân tích tài chính và đưa ra những dự báo đáng tin cậy trong tương lai.

### Giám đốc kinh doanh

Giám đốc kinh doanh là quản lý và điều phối toàn bộ nguồn nhân lực và hoạt động liên quan đến khách hàng và tiêu thụ sản phẩm theo nhiệm vụ và kế hoạch được giao; chịu trách nhiệm trước Ban Tổng giám đốc.

### Giám đốc sản xuất

Giám đốc sản xuất là người chịu trách nhiệm cho hoạt động sản xuất diễn ra đúng kế hoạch, dựa trên năng lực sản xuất hiện tại của công ty và các đối tác trong chuỗi cung ứng, đáp ứng đúng yêu cầu về chất lượng sản phẩm. Quản lý tất cả các lao động trực tiếp, các phòng ban liên quan để thực hiện đúng theo yêu cầu sản xuất.

### Phòng Hành chính – Nhân sự

Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty đảm bảo gọn nhẹ, năng động, hiệu quả, phù hợp với các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, quản trị hành chính, an toàn lao động, đối ngoại, pháp chế và các Tổ chức đoàn thể, hạ tầng.

### Phòng Tài chính

Tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về hoạch định chiến lược tài chính ngắn hạn và dài hạn; hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn; tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức triển khai các nghiệp vụ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán... quản lý vật tư và tài sản nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Công ty để phát triển sản xuất kinh doanh.

### Phòng Kế toán

Tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc trong lĩnh vực quản lý và tổ chức hạch toán kế toán. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng các chuẩn mực và Luật kế toán hiện hành nhằm phản ánh kịp thời, chính xác, đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tình hình tài sản của công ty.

### Phòng Kinh doanh xuất khẩu

Đảm bảo đầu ra xuất khẩu của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường nước ngoài cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng ngoại.

### Phòng Kinh doanh

Đảm bảo đầu ra trong nước của Công ty, tiếp cận và nghiên cứu thị trường, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường trong nước cũng như thu hút khách hàng mới. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, tính giá và lập hợp đồng với khách hàng nội.

### Phòng Marketing

Nghiên cứu tiếp thị và thông tin nhu cầu của khách hàng, phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu các sản phẩm của Công ty.

### Phòng Nghiên cứu sản phẩm

Tham mưu, tư vấn và chịu trách nhiệm trước HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về các hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm của Công ty theo đúng nhiệm vụ được giao.

### Phòng Sản xuất

Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tham mưu, đề xuất với Giám đốc chiến lược sản xuất, kinh doanh của Công ty. Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật; nắm bắt và tổng hợp nhu cầu vật tư, hàng hóa.

### Phòng Vật tư

Cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên liệu, hàng hóa để sản xuất sản phẩm.

## BAN LÃNH ĐẠO

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Bùi Tiến Vinh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 07/03/1977

Trình độ chuyên môn: Đại Học

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2009 đến tháng 3/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Thành

- Từ tháng 4/2016 đến nay: Phó Giám đốc - Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Thành. Chủ tịch

Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu: 1.500.000 CP

#### Nguyễn Thế Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 27/4/1985

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác

- Từ tháng 07/2009 đến tháng 03/2017: Cán bộ - Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng (nay là văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội-chỉ nhánh huyện Đan Phượng)

- Từ tháng 04/2017 đến nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu: 250.000 CP

#### Lê Thị Mai - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 20/02/1983

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác

- Từ tháng 01/2005 đến tháng 12/2007: Nhân viên kinh doanh - Công ty Cổ phần Intimex Việt Nam

- Từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2009: Giám đốc điều hành - Công ty TNHH Thương Mại Japonica

- Từ tháng 01/2010 đến tháng 12/2015: Giám đốc - Công ty TNHH Thương Mại và SX Tuấn Minh

- Từ tháng 01/2016 đến nay: Giám đốc - Công ty TNHH Thương Mại và SX Tuấn Minh; Phó Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám Đốc Công ty TNHH Thương Mại & Sản Xuất Tuấn Minh

Số cổ phần sở hữu: 1.000.000 CP

#### Phạm Công Thành - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 24/03/1979

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ chuyên ngành tài chính kế toán Solvay Business School – ULB

Quá trình công tác

- Từ năm 2001 đến năm 2004: Phụ Trách Xuất Khẩu - Công ty gốm xây dựng Xuân Hòa Viglacera

- Từ năm 2004 đến năm 2007: Phụ Trách Bộ Phận tài Chính - Công ty cổ phần gốm xây dựng Đại Thắng

- Từ năm 2007 đến năm 2009: Phụ Trách phòng Kế Toán - Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong

- Từ năm 2009 đến năm 2016: Trưởng bộ phận kế toán thanh toán - Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Vietnam

- Từ năm 2016 đến năm 2017: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính - Công ty cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

- Từ năm 2017 đến nay: Cán bộ khối Ngân hàng toàn cầu - Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Vietnam

Partner - ANSE ACCOUNTING CORPORATION ở Hàn Quốc

Partner - Công ty kiểm toán châu á – ASA

Partner - Công ty kế toán ASAC

Partner - Công ty Luật Minh Bạch

Partner - Công ty TNHH ASIANPASS

Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng - Công ty cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

+ Cán bộ khối Ngân hàng toàn cầu: Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Vietnam

+ Partner: ANSE ACCOUNTING CORPORATION (Công ty ở Hàn Quốc)

+ Partner: Công ty kiểm toán châu á – ASA

+ Partner: Công ty kế toán ASAC

+ Partner: Công ty Luật Minh Bạch

+ Chủ Tịch: Công ty TNHH ASIANPASS

Số cổ phần sở hữu: 250.000

#### Lê Hữu Lợi - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 05/10/1956

Trình độ chuyên môn: Trung Cấp

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1975 đến tháng 05/1978: Nhân viên xây lắp - Công ty 775 Cục 1 Đường sắt

- Từ năm 1980 đến năm 1992: Trưởng Hợp tác xã - Công ty Thương Nghiệp Hương Sơn

- Từ năm 1992 đến năm 2015: Giám đốc - Công ty TNHH Điện Tử Lợi Hà

- Từ năm 2016 – đến nay: Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dũng Lợi; Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu: 300.000 CP

## BAN KIỂM SOÁT

### Phạm Thị Xuân Thu - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 14/12/1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế toán Kiểm toán, CPA Viet nam

Quá trình công tác

- Từ năm 2002 đến năm 2006: Cán bộ phòng kế toán - Công ty thép Việt ý
- Từ năm 2007 đến năm 2016: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư An phát Hà nội
- Từ năm 2016 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty CP Đầu tư An phát Hà nội; Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu: 0 CP

### Nguyễn Thị Vân Anh - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 25/10/1991

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác

- Từ tháng 06/2013 – tháng 04/2014: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Đầu tư Tuấn Minh
- Từ 05/2015 đến năm 2018: Kế toán trưởng - Công ty TNHH TM và SX Tuấn Minh
- Từ năm 2018 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH TM và SX Tuấn Minh; Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng - Công ty TNHH TM và SX Tuấn Minh

Số cổ phần sở hữu: 1000 CP

### Trần Lệ Hằng - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 27/11/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ tháng 01/2006 đến tháng 01/2008: Trưởng Phòng kinh doanh - Công ty TNHH Tân Hưng Phát
- Từ tháng 02/2008 đến tháng 01/2012: Phó Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Công ty Cổ Phần Gang thép Hà Tĩnh
- Từ tháng 02/2012 đến năm 2016: Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty TNHH Khoáng sản công nghiệp Fineton

- Từ 2016 đến nay: Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty TNHH Khoáng sản công nghiệp Fineton; Thành viên ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu: 1.500 CP

## BAN ĐIỀU HÀNH

### Bùi Tiến Vinh - Tổng giám đốc

Lý lịch như trên

### Lê Thị Mai - Phó Tổng giám đốc

Lý lịch như trên

### Phạm Công Thành - Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

Lý lịch như trên



## SWOT

### Điểm mạnh

- Máy móc và trình độ công nghệ nước ngoài đạt tiêu chuẩn châu Âu. Để tăng tính cạnh tranh và đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty đưa vào hoạt động máy móc và trình độ công nghệ hiện đại.
- Sản phẩm nước uống thảo dược tận dụng được vị thế đi đầu trên thị trường, do cạnh tranh trong ngành nước uống có lợi cho sức khỏe, cụ thể là nước uống thảo dược chưa cao.

### Điểm yếu

- Mạng lưới phân phối trong nước chưa rộng, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn.
- Chưa có các vùng nguyên liệu để đảm bảo chất lượng sản phẩm và ổn định số lượng, chủ yếu là đi thu mua trực tiếp từ người dân

### Thuận lợi

- Nền kinh tế thế giới khá ổn định, diễn biến thuận lợi đã tác động tích cực đến nền Kinh tế Việt nam thông qua dòng vốn FDI, kiều hối ... sẽ là đòn bẩy cho ngành sản xuất. Thương hiệu quốc gia ngày càng được khẳng định, Việt nam đã kí kết thực thi, và đang đàm phán tổng cộng tới 16 các hiệp định thương mại tự do (FTA). FTA giữa ASEAN với các đối tác Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Úc và New Zealand), 4 FTA ký kết với tư cách là một bên độc lập (Chile, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á-Âu)... tác động tích cực đến ngành sản xuất Việt Nam.
- Ngành công nghiệp thực phẩm Việt Nam dự báo duy trì đà tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10,9%/năm và xu hướng tiêu dùng sản phẩm giá trị cao hơn sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng.
- Người tiêu dùng hiện nay quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm có lợi cho sức khỏe.

### Khó khăn

- Việc mới gia nhập thị trường mang nhiều trở ngại với công ty trong việc đưa sản phẩm đến người tiêu dùng, tâm lý lo ngại của các đại lý và nhà phân phối trong việc đặt niềm tin vào phân phối sản phẩm. Tuy nhiên công ty đang từng bước thực hiện việc quảng cáo và truyền thông đến với mọi người để dần cải thiện những yếu điểm của người mới gia nhập thị trường.

## VỊ THẾ DOANH NGHIỆP

Công ty cổ phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam được hình thành trên tâm huyết của một gia đình tại một địa phương truyền thống của những loại dược liệu hiếm quý, bên cạnh đó với sự năng động và sức trẻ của công ty, cùng hoài bão to lớn của ban lãnh đạo đã đề ra và đặt mục tiêu là tiền đề cho vị thế của công ty hiện nay. Dù mới được thành lập nhưng hoạt động kinh doanh tốt, được nhiều bạn hàng tin tưởng. Công ty đang ngày một phát triển và khẳng định vị thế trên thị trường qua việc mở rộng thị phần.

## ĐỊNH HƯỚNG

### Triển vọng kinh tế vĩ mô

Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 giảm nhẹ xuống mức 2,9% trong bối cảnh nhiều rủi ro ảnh hưởng tới viễn cảnh kinh tế. Thương mại quốc tế và các hoạt động sản xuất đang sụt giảm, trong khi căng thẳng thương mại ngày càng leo thang, đồng thời một số nền kinh tế mới nổi đang chịu sức ép lớn từ thị trường tài chính. Ngân hàng Thế giới cũng dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 6,6% và 6,5% trong các năm 2019 và 2020, chủ yếu do sức cầu bên ngoài yếu đi và theo xu hướng chung của thế giới.

### Triển vọng phát triển của ngành

Đối với hoạt động xuất khẩu dược liệu và hồ tiêu: Dù tăng trưởng nền kinh tế thế giới được dự báo không tăng mạnh mẽ như trong những năm vừa qua, nhu cầu tiêu thụ ở một số thị trường chính dự báo vẫn duy trì tích cực. Tại thị trường Trung Quốc, theo dự báo của FAO, nhu cầu nhập khẩu mặt hàng nông lâm sản nguyên liệu tăng nhanh trong giai đoạn 2017 – 2020. Hay thị trường EU các mặt hàng chủ lực như cà phê, điều, cao su vẫn sẽ giữ được mức tăng tốt trong giai đoạn 2018 – 2020.

Ngành công nghiệp thực phẩm của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10,9%/năm nhờ thu nhập người dân cải thiện và xu hướng tiêu dùng sản phẩm giá trị cao hơn sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng. Nhu cầu tiêu dùng thực phẩm sạch và đồ uống có lợi cho sức khỏe sẽ có những bước chuyển tích cực trong tất cả các phân khúc đi kèm với sự dịch chuyển lên nhóm hàng thực phẩm có giá trị cao trong tương lai, hứa hẹn cơ hội tăng trưởng mạnh cho các công ty thực phẩm sạch và thức uống có lợi cho sức khỏe.

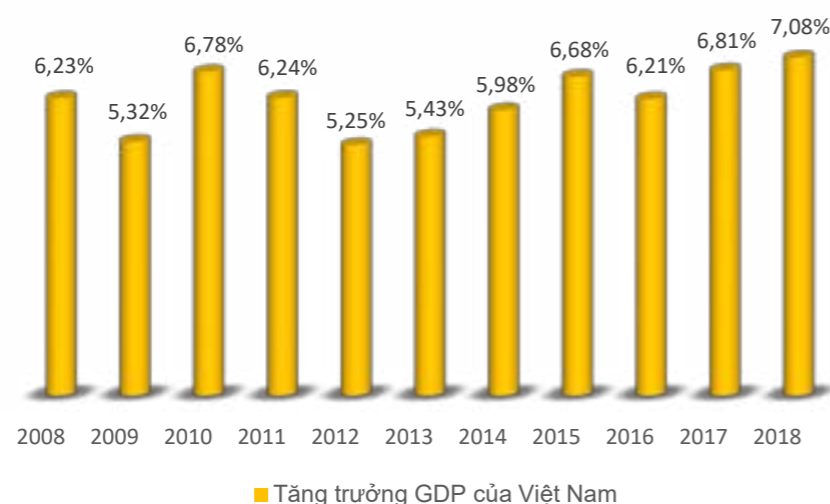
### Định hướng phát triển của Công ty

VINAHERBFOODS có định hướng sản xuất chuyên nghiệp các sản phẩm có nguồn gốc thảo dược tự nhiên quý có những chức năng là nâng cao và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Đây chính là xu hướng toàn cầu mà nhu cầu thị trường cũng đang dịch chuyển mạnh mẽ từ tiêu dùng các sản phẩm thông thường sang các sản phẩm thảo dược sạch tự nhiên có lợi cho sức khỏe. Vì vậy mà định hướng của công ty rất được ưu tiên, hỗ trợ từ chính sách Việt Nam.

## RỦI RO

### Rủi ro về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng có thể giảm dần trong trung hạn, theo xu hướng chung của thế giới. Cụ thể, GDP Việt Nam giảm dần xuống mức 6,6% và 6,5% cho các năm 2019, 2020. Chỉ số lạm phát bình quân (CPI) chỉ tăng 3,54% so với năm 2017, thấp hơn mục tiêu 4% do Quốc hội đề ra. Trong bối cảnh thương mại Việt Nam có độ mở cao, dư địa chính sách tài khóa và tiền tệ còn hạn chế, Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động bên ngoài, đặc biệt là căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu về các mặt hàng, đồng thời thanh khoản trên toàn cầu bị thắt chặt có thể làm giảm dòng vốn đầu tư cũng như đầu tư nước ngoài.



### Rủi ro về luật pháp

Ngành thực phẩm đồ uống là một trong những ngành chịu nhiều tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng.

Chỉ có các doanh nghiệp đáp ứng được những tiêu chuẩn mới có thể tồn tại kinh doanh và phát triển. Những quy định này sẽ khiến các công ty thực phẩm nhỏ lẻ tại Việt Nam sáp nhập hoặc mua lại, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao, tập trung phát triển theo chiều sâu để có thể cạnh tranh với các công ty đa quốc gia.

Bên cạnh đó, là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ Luật và các Văn bản. Luật và các Văn bản dưới luật này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro đặc thù

Nước uống đóng chai từ thảo dược thiên nhiên là một loại hàng hoá đặc biệt liên quan đến sức khoẻ và sự an toàn của con người. Chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành là khá cao so với các ngành công nghiệp khác trên thế giới, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp.

Bên cạnh đó, hàng hoá trong lĩnh vực nước uống đóng chai từ thảo dược thiên nhiên có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro mất lợi nhuận, đồng thời tổn thêm chi phí tiêu hủy cho doanh nghiệp.

Nhờ đội ngũ R&D luôn bám sát và nghiên cứu thị trường, Công ty luôn nắm bắt xu hướng phát triển cũng như thị hiếu và nhu cầu của thị trường để đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp. Công ty Vinaherbfoods có đội ngũ nhân viên kinh doanh có khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý sẽ hạn chế được đáng kể rủi ro này.

### Rủi ro khác

#### Rủi ro hàng giả, hàng nhái

Hiện nay, hiện tượng hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm đang trở thành một thực tế đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp dược có hoạt động sản xuất kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Mặc dù Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa sản xuất trong nước nhưng hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi trên thị trường. Vấn đề hàng nhái, hàng giả, hàng nhập lậu gây thiệt hại rất lớn tới lợi ích và uy tín của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong ngành dược vì các sản phẩm dược phẩm nhái giả và nhập lậu kém chất lượng đe dọa trực tiếp tới sức khỏe và tính mạng của người sử dụng. Vì vậy, Công ty luôn tự ý thức bảo vệ sản phẩm của mình bằng cách nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì và quan tâm hơn đến thương hiệu và đăng ký bản quyền nhãn hiệu hàng hóa.

#### Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá do sự biến động của tỷ giá hối đoái theo chính sách điều hành kinh tế đối với các khoản vay hoặc các giao dịch nếu có phát sinh bằng ngoại tệ.

Công ty có nguồn thu ngoại tệ thông qua hoạt động xuất khẩu nguyên liệu ngành dược nhờ đó, rủi ro tỷ giá đối với hoạt động của Công ty cũng được giảm thiểu đáng kể.

#### Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm hàng hóa, lắp đặt các hệ thống báo cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những mặt thuận lợi đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty trong năm 2018:

- Kinh tế trong nước tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, GDP 2018 đạt 7,08% cao hơn mục tiêu đề ra là 6,7% và được dự báo tiếp tục giữ mức tăng trưởng ổn định.
- Ngành thực phẩm và đồ uống hiện chiếm khoảng 15% GDP và có xu hướng tăng lên trong thời gian tới. BMI dự đoán, tốc độ tăng trưởng ngành thực phẩm và đồ uống sẽ cao hơn trong giai đoạn 2016 - 2019, trong đó khả năng Việt Nam sẽ đứng ở vị trí thứ ba Châu Á.
- Theo Vietnam Report nhận định, xu hướng lựa chọn các thực phẩm sạch, có nguồn gốc hữu cơ và thân thiện với môi trường của người tiêu dùng sẽ tăng mạnh trong thời gian tới.
- Lãi suất vay vốn ngân hàng ổn định ở mức hợp lý.
- Trong năm vừa qua, Công ty ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu các mặt hàng sang các nước với giá trị các hợp đồng lớn.

Những mặt khó khăn đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty:

- Cạnh tranh giữa các đối thủ trong ngành ngày càng gay gắt, các đối thủ lớn trong ngành tung ra các sản phẩm cạnh tranh.
- Yêu cầu và tiêu chuẩn về chất lượng của khách hàng ngày càng khắt khe

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



## Kết quả một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	Tăng/giảm so với 2017	CAGR giai đoạn 2016-2018
Doanh thu	Tỷ đồng	6,38	90,66	208,00	129%	586281%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	5,55	76,08	187,36	146%	566412%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,03	10,02	7,08	-29%	191638%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,02	8,02	5,65	-29%	177787%

## Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	208,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,08
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,65
Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2,38

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 của Công ty như sau:

Năm 2018, Công ty đã đạt mức doanh thu thuần là 208 tỷ đồng, tăng 129% so với năm 2017. Đóng góp chính vào mức tăng trưởng của doanh thu đến từ doanh thu hoạt động xuất khẩu nguyên liệu thảo dược. Năm 2018 cũng là năm đánh dấu bước chuyển mình của Vinaherbfoods khi đưa sản phẩm nước uống thảo dược đóng chai ra thị trường vào Quý 4, doanh thu thuần nước uống thảo dược đóng chai đạt 4,1 tỷ đồng chiếm 2% trong tổng doanh thu.

Giá vốn hàng bán của Công ty đạt 187 tỷ đồng, tăng 146% so với năm 2017, do trong năm Công ty mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển thêm sản phẩm nước thảo dược mới.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 7 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 5,6 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2017.

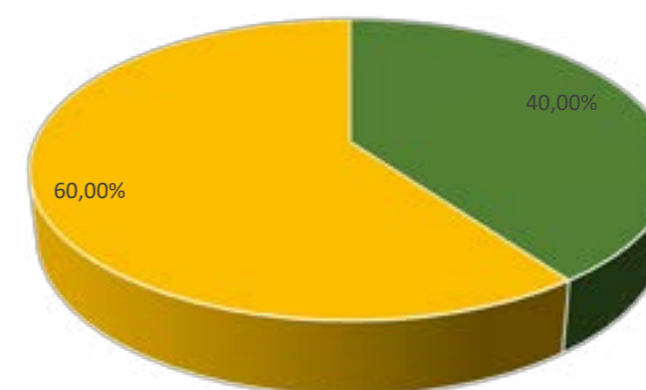
Nộp Ngân sách Nhà nước 2,38 tỷ đồng trong năm 2018.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi trong ban điều hành: không có

Số lượng: Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam có 100 Cán bộ công nhân viên.

STT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học	-	-
2	Đại học	20	40%
3	Cao đẳng	-	-
4	Trung cấp	-	-
5	Phổ thông	30	60%
	Tổng cộng	50	100%



■ Trên Đại học ■ Đại học ■ Cao đẳng ■ Trung cấp ■ Phổ thông





## Chính sách đối với người lao động

### Chính sách đào tạo:

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### Chính sách lương thưởng:

Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên các yếu tố: Hiệu quả công việc và gắn liền với trách nhiệm của các cá nhân. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công việc trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan du lịch trong và ngoài nước, để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

### Chính sách phúc lợi khác

Công ty tổ chức tặng quà cho CBCNV vào những dịp Lễ, Tết, Ngày phụ nữ Việt Nam, Ngày Quốc tế Phụ nữ... Hàng năm, trao tặng các suất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ các gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do thiên tai, bão lụt...

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	6,38	90,66	208,00
GVHB	Tỷ đồng	5,55	76,08	187,36
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	0,83	14,57	20,63
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	0,49	10,00	7,25
Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	0,03	10,02	7,08
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	0,02	8,02	5,65
<b>Cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	26,24	113,00	157,83
Nợ phải trả	Tỷ đồng	6,00	16,95	56,12
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	20,02	96,04	101,70

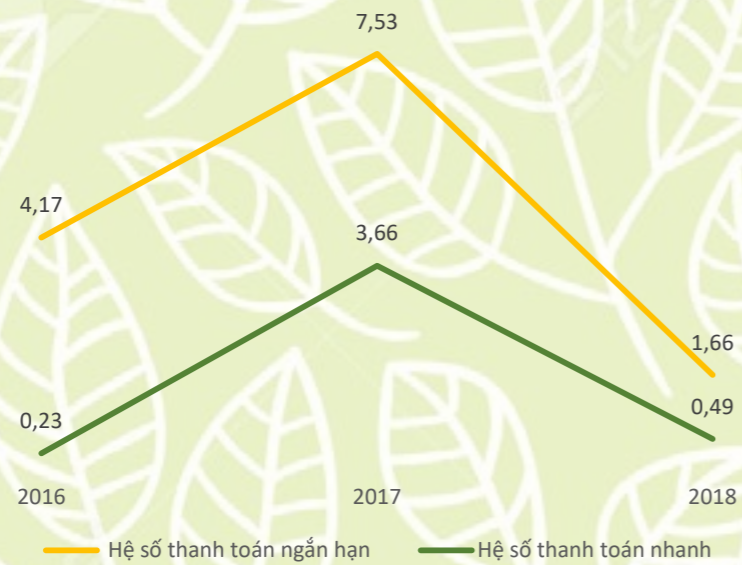
Tổng giá trị tài sản năm 2018 đạt 157 tỷ đồng, tăng 40% so với năm 2017

Doanh thu thuần tăng mạnh 129% đạt 208 tỷ đồng trong năm 2018, do Công ty ký kết được nhiều hợp đồng xuất khẩu trong năm và doanh thu từ sản phẩm nước thảo dược tăng trưởng tốt.

Các chỉ tiêu về lợi nhuận có giảm so với năm 2017, cụ thể lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 7,2 tỷ đồng, giảm 28% so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế đạt 7 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 5,6 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2017.

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	7,53	1,66	-78%
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	3,66	0,49	-87%
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	15,01%	35,56%	137%
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	17,66%	55,18%	213%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	1,09	3,57	229%
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,80	1,32	64%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	8,85%	2,72%	-69%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	8,35%	5,56%	-33%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	7,10%	3,58%	-49%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	16,07%	3,49%	-78%

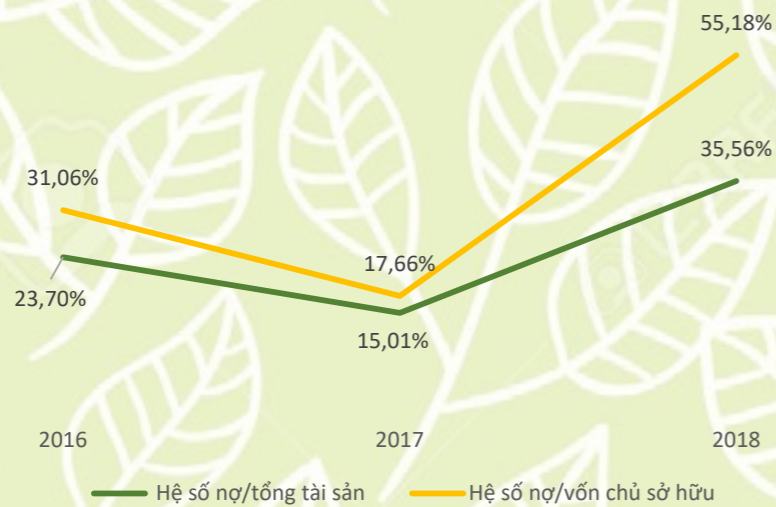
### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)



#### Khả năng thanh toán (lần)

Các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều giảm trong năm qua. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,66, giảm 78% và hệ số thanh toán nhanh đạt 0,49 giảm 87%. Nguyên nhân chính là do các khoản nợ ngắn hạn tăng mạnh 350% lên 51 tỷ đồng, Công ty đang mở rộng kinh doanh, tăng vay nợ ngắn hạn để bổ sung các nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

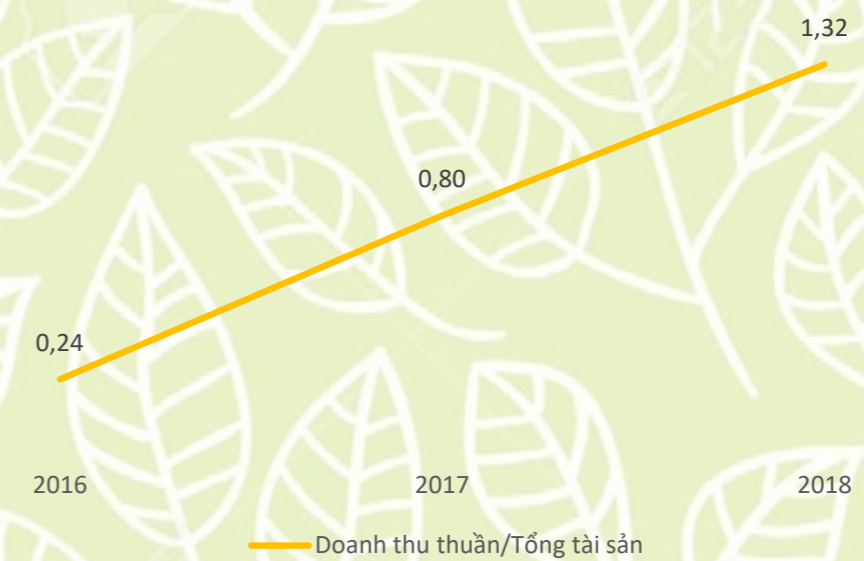
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)



#### Cơ cấu vốn (%)

Cơ cấu vốn của công ty đang có xu hướng tăng tỷ trọng của các khoản nợ để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất. Các hệ số Nợ/ Tổng tài sản và Nợ/ Vốn chủ sở hữu đều tăng trong năm 2018 đạt 35,56% và 55,18% do nợ phải trả của Công ty tăng mạnh, chủ yếu là các khoản vay nợ ngắn hạn tăng. Trong năm qua, Công ty tăng vay ngắn hạn để phục vụ việc sản xuất kinh doanh, khoản vay tài chính ngắn hạn của Công ty đạt 41 tỷ đồng.

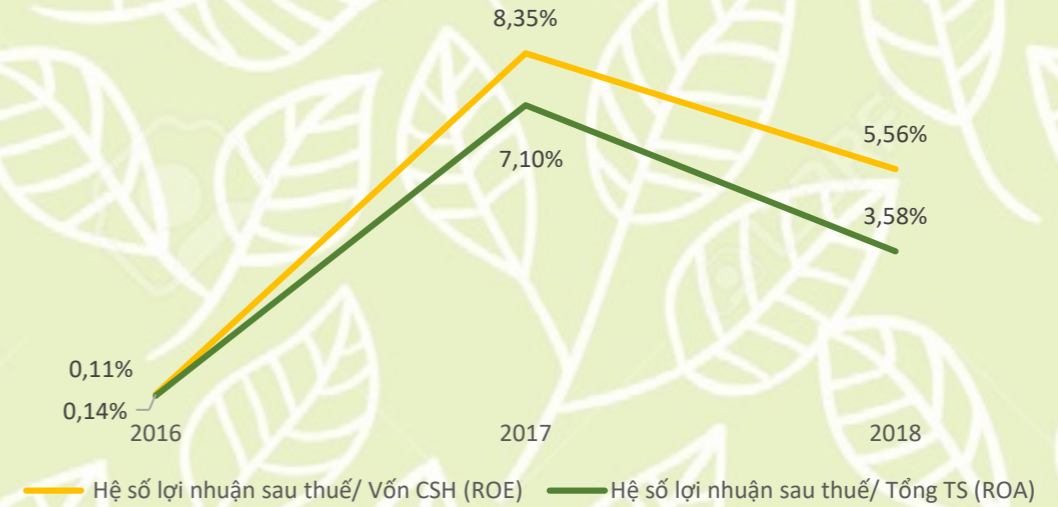
### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)



#### Khả năng hoạt động (vòng)

Vòng quay hàng tồn kho và tỷ số doanh thu thuần trên tổng tài sản của Công ty đều tăng tốt trong năm 2018. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh 229% lên 3.57 lần thể hiện dấu hiệu tích cực trong việc sản xuất kinh doanh, Công ty đẩy mạnh hoạt động marketing, phát triển hệ thống phân phối tiếp cận và phủ rộng kênh phân phối có mặt hàng sản phẩm của công ty, từ đó đẩy nhanh vòng quay của chu chuyển hàng hóa và rút ngắn số ngày hàng tồn kho. Tỷ số doanh thu thuần/ tổng tài sản tăng mạnh chủ yếu là do doanh thu thuần của Công ty có mức tăng trưởng tốt tăng hơn 129%.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)



#### Khả năng sinh lời (%)

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty có sự sụt giảm trong năm 2018. Các tỷ số ROE, ROA giảm lần lượt 34% và 50%, nguyên nhân là do lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 30% so với năm 2017, trong khi sự tăng trưởng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu chưa tương ứng.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã phát hành 8.800.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phổ thông: 8.800.000 cổ phiếu.
- Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Số cổ phần đang lưu hành: 8.800.000 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng.

Trong năm 2018, công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

### Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (đồng)
I	Trong nước	150	8.800.000	88.000.000.000
1	- Tổ chức trong nước	-	-	-
2	- Cá nhân trong nước	150	8.800.000	88.000.000.000
II	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	150	8.800.000	88.000.000.000

Danh sách cổ đông lớn: không có

Đợt tăng vốn trong năm: Trong năm 2018, công ty không thực hiện tăng vốn

Lịch sử tăng vốn:

Năm	Vốn điều lệ	Nội dung tăng vốn
2017	88.000.000.000	Chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với vốn điều lệ 88 tỷ đồng

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



## TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Những mặt thuận lợi trong năm 2018 liên quan đến công tác thực hiện kế hoạch sản xuất:

Năm 2018, tăng trưởng GDP Việt Nam rất tích cực với mức tăng GDP đạt 7,08% cao hơn so với mức tăng 6,81% của năm 2017. Lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức ổn định nhờ chính sách tiền tệ được duy trì thận trọng. Lạm phát ở mức 3,54% nằm trong ngưỡng kế hoạch đề ra. Việt Nam đã xuất siêu mạnh trong năm 2018 với mức xuất siêu là 7,2 tỷ USD. Năm 2018, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa Việt Nam ước đạt 244,7 tỷ USD, tăng 13,1%. Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tiếp tục khẳng định được vị thế trong lĩnh vực xuất khẩu, và đang từng bước xâm nhập thị trường nước uống thảo dược. Vinaherbfoods đã đạt được các kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2018.

Những khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2018:

Lạm phát trong năm ở mức 3,54% nằm trong ngưỡng kế hoạch đề ra. Tuy vậy, lạm phát đã không còn ở mức thấp, cộng thêm sức ép từ tình trạng đồng USD gia tăng trên thị trường thế giới khiến dư địa nới lỏng thêm chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước là thấp. Năm 2018 cũng là năm đánh dấu bước chuyển mình của Vinaherbfoods khi đưa sản phẩm nước uống thảo dược đóng chai ra thị trường vào Quý 4. Là một sản phẩm mới xuất hiện trên thị trường, Công ty phải nghiên cứu và đề ra kế hoạch giúp sản phẩm xây dựng được vị thế riêng trên thị trường đồ uống thảo dược và nhận được sự ủng hộ của khách hàng.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	208,00
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	187,36
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	20,63
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,08
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,65

Doanh thu năm 2018 tăng trưởng tích cực đạt 208 tỷ đồng, tăng 129% so với năm 2017. Trong đó, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ doanh thu xuất khẩu các sản phẩm dược liệu chiếm 98,03%. Ngoài ra, trong quý 4 năm 2018, Công ty có tung ra thị trường sản phẩm nước uống thảo dược và đã ghi nhận doanh thu tốt, chiếm 1,97% cơ cấu tổng doanh thu.

Giá vốn hàng bán năm 2018 tăng 146% so với năm 2017 đạt 187,36 tỷ đồng, do Công ty mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng trưởng doanh thu bán hàng hóa.

Lợi nhuận gộp có mức tăng trưởng tốt, năm 2018 đạt 20,63 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2017. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế đạt 7,08 tỷ đồng, giảm 30%, và lợi nhuận sau thuế đạt 5,65 tỷ đồng, giảm 30% so với năm 2017.

### Doanh thu bán hàng nông lâm sản dược liệu

Doanh thu bán hàng nông lâm sản dược liệu	Đơn vị	Năm 2018
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	203,90
Giá vốn	Tỷ đồng	184,72
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	19,18
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9,41%

Nông lâm sản dược liệu là một trong những lĩnh vực nổi bật của công ty. Sau 2 năm tìm kiếm thị trường và khách hàng tiềm năng, Công ty đã tìm kiếm và ký kết được hợp đồng xuất khẩu với giá trị cao. Đặc biệt, Công ty đã mở rộng thị trường xuất khẩu hồ tiêu trong năm 2018 dẫn tới doanh thu hồ tiêu chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu xuất khẩu. Do đó, doanh thu thuần tăng trưởng mạnh đạt 203,90 tỷ đồng tăng 128% so với năm 2017, lợi nhuận gộp cũng tăng trưởng tích cực đạt 19,18 tỷ đồng.

### Doanh thu bán hàng nước dược liệu

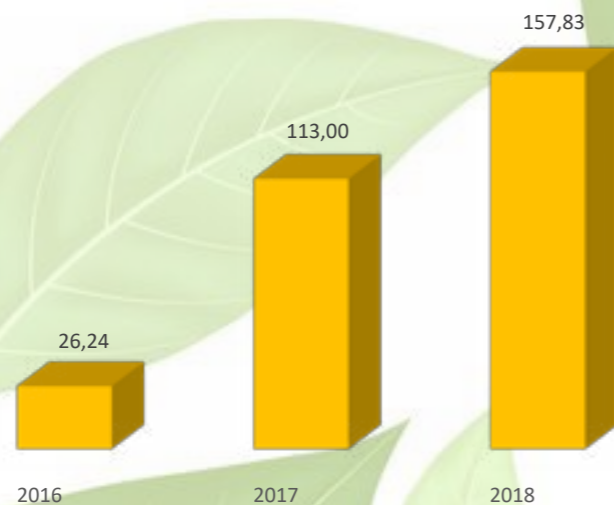
Doanh thu bán hàng nước dược liệu	Đơn vị	Năm 2018
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4,10
Giá vốn	Tỷ đồng	2,64
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1,45
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	Tỷ đồng	35%

Nước dược liệu là sản phẩm mới được Công ty đưa ra thị trường trong quý 4 năm 2018, nhưng đã ghi nhận tăng trưởng doanh thu tốt. Kết thúc năm 2018, doanh thu thuần của bán hàng nước dược liệu đạt 4,10 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 1,45 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần có biên lợi nhuận ở mức cao 35%, hứa hẹn sẽ đem lại mức lợi nhuận tích cực cho Công ty trong thời gian tới. Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh các mặt hàng nước uống thảo dược thuần thiên nhiên, đem lại doanh thu và lợi nhuận ổn định.

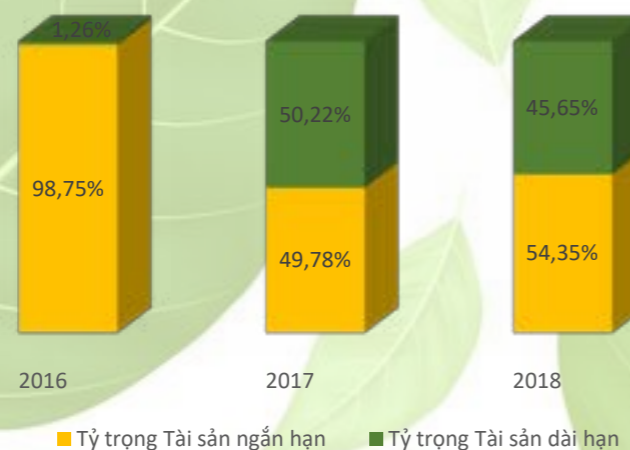
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

#### Tổng tài sản (tỷ đồng)



#### Cơ cấu tài sản (%)



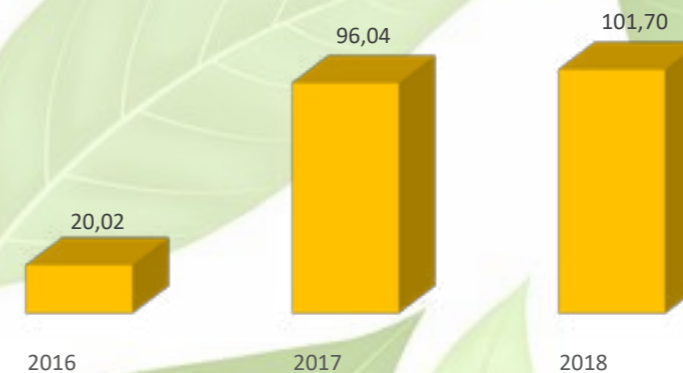
Tổng giá trị tài sản năm 2018 đạt 157,83 tỷ đồng tăng 39,66% so với năm 2017, trong đó tài sản ngắn hạn vẫn giữ tỷ trọng lớn vào 54% và tài sản dài hạn chỉ chiếm mức tỷ trọng 46%. So với cơ cấu tổng tài sản năm 2017, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng và tỷ trọng tài sản dài hạn giảm 4%.

Tài sản ngắn hạn giảm nhẹ 0,55% đạt 85,78 tỷ đồng vào năm 2018 chủ yếu là do khoản phải thu khách hàng giảm 45% xuống còn 21,76 tỷ đồng. Do Công ty có mở rộng sản xuất và cần tích trữ hàng hóa để phục vụ việc kinh doanh, khoản mục hàng tồn kho tăng 36% so với năm 2017 đạt 60,51 tỷ đồng. Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền không có biến động lớn trong năm.

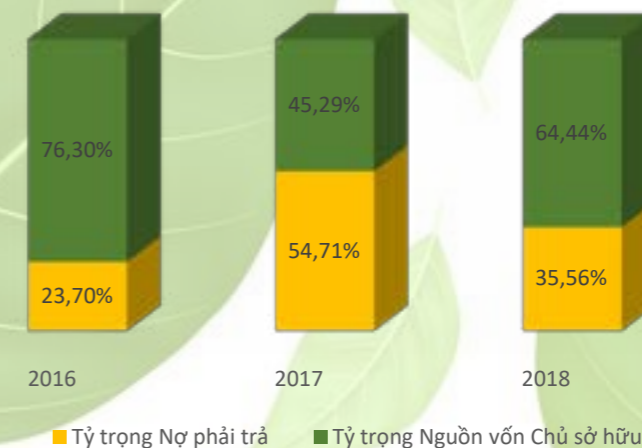
Tài sản dài hạn tăng 169,28% so với năm 2017 đạt 72,05 tỷ đồng, chủ yếu là do trong năm Công ty có đầu tư các tài sản dài hạn như máy móc, trang thiết bị, để phục vụ sản xuất cho các đơn hàng đã ký trong năm, làm tăng khoản tài sản cố định lên 165% đạt 69,95 tỷ đồng. Khoản tài sản dài hạn khác cũng tăng mạnh đạt 1,71 tỷ vào thời điểm kết thúc năm 2018.

### Tình hình nợ phải trả

#### Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



#### Cơ cấu nguồn vốn (%)



Vốn chủ sở hữu của công ty năm 2018 đạt 101,70 tỷ đồng, tăng nhẹ 5,89% so với năm 2017. Trong cơ cấu tổng nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ trọng 36%, trong khi vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn 54%.

Nợ ngắn hạn: Cơ cấu nợ của công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn chiếm đến 91,80% đạt hơn 51,52 tỷ đồng và có xu hướng tăng mạnh 349,64% so với năm 2017, do công ty có vay nợ ngắn hạn các tổ chức tín dụng nhằm bổ sung nguồn vốn ngắn hạn phục vụ việc sản xuất kinh doanh cho các đơn hàng đã ký kết trong năm.

Nợ dài hạn: Khoản mục nợ dài hạn của công ty chiếm 8,20% cơ cấu nợ và trong năm có xu hướng giảm 16,36% xuống còn 4,60 tỷ đồng.

Nợ xấu: không có

Ảnh hưởng của biến động lãi suất: Trong năm vừa qua, để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng nhiều hơn nguồn vốn vay từ ngân hàng. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá mặt bằng lãi suất trong những năm qua cơ bản được duy trì ở mức thấp và ổn định nên sẽ là điều kiện tốt cho công ty tiếp cận nguồn vốn này để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi các biến động của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2018, Tỷ giá Việt Nam đồng so với các ngoại tệ chính được Ngân hàng Nhà nước duy trì ổn định, tạo điều kiện cho việc ổn định hoạt động xuất khẩu của Công ty.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Phát triển mạnh mẽ các sản phẩm nước uống thảo dược đang đưa ra thị trường của công ty.

Tập trung phát triển đội ngũ bán hàng, ký kết đưa vào các nhà thuốc, siêu thị tại Hà Nội và Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh hoạt động, đem lại doanh thu. Tiếp tục đưa vào các siêu thị lớn như Vinmart, Citimart, Aeon, Metro, Circle K,.. Đồng thời tiếp tục phát triển tại các tỉnh như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Nha Trang,..

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực

Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động là cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất là nhiệm vụ rất quan trọng của mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp cũng cần được cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các khóa tập huấn.

Tập trung công tác tuyển dụng và đào tạo tập huấn, đào tạo tại chỗ, thuê giảng viên uy tín kết hợp với kỹ sư trong doanh nghiệp giảng dạy. Như vậy sẽ gắn với hoạt động sản xuất - kinh doanh tại doanh nghiệp. Những vấn đề mới, phức tạp sẽ kết hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện nghiên cứu khoa học kết hợp với chuyển giao công nghệ, đào tạo ngay trong quá trình tổ chức triển khai. Phối hợp với các tổ chức đào tạo mở những khóa bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng quản lý, kỹ thuật tiếp thị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ. Hình thức đào tạo phải xác định cho phù hợp từ các lớp theo những chuyên đề, những lớp bồi dưỡng, các đợt tập huấn.

Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất nội quy của doanh nghiệp, quy định về an toàn lao động, kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm, quy trình quy phạm sản xuất thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, kèm cặp trong quá trình sản xuất, các điển hình tiên tiến... hoặc tại các trường công nhân kỹ thuật.

Xây dựng cơ chế cho phép thuê các chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia thiết kế bên ngoài nhằm giải quyết các khó khăn cho doanh nghiệp khẩn trong việc thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu kỹ thuật, công nghệ, thị trường, thị hiếu của thị trường nước ngoài hoặc trong điều hành các dự án mới.

Xây dựng quy chế cụ thể về phân phối tiền lương, thưởng, phúc lợi (nghỉ mát, nghỉ bệnh, khám sức khỏe...), bảo hiểm (xã hội, y tế) nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Đây là giải pháp tạo động lực rất lớn để động viên người lao động làm việc hăng say, nhiệt tình trong công việc.

- Điều chỉnh cơ cấu vốn kinh doanh của doanh nghiệp

Điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư của mỗi doanh nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu và giảm dần tỷ trọng nợ phải trả trong tổng vốn kinh doanh. Có như vậy mới cân đối cơ cấu vốn kinh doanh của các doanh nghiệp và hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro xảy ra trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Phân tích nhu cầu vốn ngắn hạn và dài hạn, nguồn vốn ngắn hạn và dài hạn, mức độ rủi ro kinh doanh và mục tiêu an toàn đặt ra cho doanh nghiệp, trên cơ sở đó xác định cơ cấu vốn tối ưu.

Điều chỉnh giảm tỷ trọng nợ phải trả đồng thời tăng tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong tổng vốn kinh doanh thông qua thanh lý những tài sản không còn sử dụng, tăng tỷ lệ chiết khấu tài chính để kích thích khách hàng thanh toán sớm.

### - Đẩy mạnh đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ

Đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm là công việc thường xuyên của mỗi doanh nghiệp. Phát triển công nghệ kỹ thuật cao, hiện đại là yêu cầu cấp bách trong bối cảnh hội nhập ngày nay. Doanh nghiệp cần đầu tư các loại máy móc thiết bị, công nghệ mới với giá cả phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp để sản xuất - kinh doanh đạt lợi nhuận cao. Đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại với giá cả phù hợp với tiềm lực tài chính của doanh nghiệp (thời gian khấu hao ngắn, chi phí duy tu, bảo dưỡng thấp) để nhanh chóng đi vào sản xuất ổn định đạt hiệu quả cao.

Nâng cao chất lượng công tác duy tu, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị cũng như các tài sản cố định khác nhằm tăng tuổi thọ, độ tin cậy của máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động, hạn chế đến mức thấp nhất những gián đoạn trong quá trình sản xuất làm giảm chất lượng sản phẩm.

### - Tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin

Ngày nay, công nghệ thông tin giữ vai trò rất quan trọng trong phát triển của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp cần tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh xây dựng phần cứng (kỹ thuật), các doanh nghiệp cần quan tâm đến hoàn thiện phần mềm (nội dung) của trang Web nhằm đảm bảo thông tin trên mạng được đầy đủ, kịp thời và chính xác. Đồng thời, các doanh nghiệp cần nâng cao hiệu quả sử dụng mạng Internet phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh thông qua việc thường xuyên tìm hiểu nhu cầu của thị trường, khách hàng trên mạng để kịp thời đề ra những chính sách thích hợp.

Chủ động thiết lập mạng thương mại điện tử để giải quyết có hiệu quả những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất - kinh doanh. Mặt khác, các doanh nghiệp áp dụng mạnh mẽ mạng lưới Internet thông qua việc cập nhật thường xuyên những thông tin liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, công tác nghiên cứu thị trường, tiếp thị sản phẩm, quy định của nước nhập khẩu hàng hóa của từng doanh nghiệp.

Tổ chức tốt hệ thống thông tin nội bộ doanh nghiệp, xây dựng các ngân hàng dữ liệu phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Công việc này đòi hỏi sự thiết kế tổng thể bao gồm từ các biểu mẫu báo cáo, cách thức lưu trữ, truy cập và xử lý thông tin đến các phương tiện lưu giữ và truyền tải thông tin.

### - Phát triển hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm

Phát triển hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm bao gồm hoàn thiện hệ thống đo lường sản phẩm. Phát triển các phương pháp, phương tiện và hệ thống kiểm tra nhanh các chỉ tiêu về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm ngay từ khâu nguyên liệu thu hoạch, vận chuyển, sơ chế, tinh chế bảo quản thành phẩm về dịch vụ cung cấp đến người tiêu dùng. Phát triển hệ thống bao bì và đóng gói nhỏ hợp lý cho các chủng loại sản phẩm chế biến.

Thường xuyên tham gia các hoạt động kiểm tra và tập huấn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tôn trọng và cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm và hỗ trợ cho các chương trình, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Xây dựng các chỉ tiêu chất lượng cho từng loại sản phẩm của doanh nghiệp.

Thành lập bộ phận chuyên trách nghiên cứu và phát triển sản phẩm nhằm đưa ra chiến lược sản phẩm hợp lý cho doanh nghiệp với các mẫu mã được đa dạng hóa và chủ động tạo ra các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### Đánh giá về tình hình kinh tế, ngành

Năm 2018, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chững lại trong bối cảnh chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc gia tăng, thương mại toàn cầu giảm mạnh, năm 2018 chỉ còn 4,2% và năm 2019 dự kiến chỉ tăng 4%. Bên cạnh đó, việc giá dầu thô bình quân tăng trong năm qua cũng khiến lạm phát toàn cầu tăng 3,78%. Tăng trưởng GDP Việt Nam vẫn tăng cao nhất 10 năm qua với 7.08%. Cùng với đó, lạm phát được kiểm soát dưới 3,6%. Trong năm 2018, cả nước có 131,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.478,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5% về số doanh nghiệp và tăng 14,1% về số vốn đăng ký so với năm 2017. Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng khá.

Ngành công nghiệp thực phẩm của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10,9%/năm nhờ thu nhập người dân cải thiện và xu hướng tiêu dùng sản phẩm giá trị cao hơn sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng. Nhu cầu tiêu dùng thực phẩm sạch và đồ uống có lợi cho sức khỏe sẽ có những bước chuyển tích cực trong tất cả các phân khúc đi kèm với sự dịch chuyển lên nhóm hàng thực phẩm có giá trị cao trong tương lai, hứa hẹn cơ hội tăng trưởng mạnh cho các công ty thực phẩm sạch và thức uống có lợi cho sức khỏe.

### Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	208,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,08
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,65

Năm 2018 là năm hoạt động thứ 3 của Công ty Vinaherbfoods với sự bứt phá chuyển mình mạnh mẽ trong lĩnh vực xuất khẩu và đã đưa sản phẩm nước uống thảo dược ra thị trường trong Quý 4/2018.

Về kết quả kinh doanh, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty và Ban Giám Đốc đã có nhiều nỗ lực, đạt mức tăng trưởng xuất sắc. Doanh thu năm 2018 là 208 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 5,6 tỷ đồng, tăng trưởng doanh thu là 129% so với năm 2017.

Về ngành nghề hoạt động, năm 2018 đánh dấu bước tiến của Công ty sang lĩnh vực mới, Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm nước uống thảo dược đóng chai theo công nghệ của Hàn Quốc vào Quý 4 năm 2018. Và doanh thu từ nước uống thảo dược là 4,1 tỷ đồng chiếm 2% trong tổng doanh thu năm 2018.

Kết quả trên có được nhờ sự đoàn kết của toàn thể Ban lãnh đạo và nỗ lực của đội ngũ cán bộ Công ty. Trong năm 2018, HĐQT đã có nhiều quyết sách để điều chỉnh, quy hoạch, sắp xếp lại bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Ban lãnh đạo cũng quyết liệt triển khai mở rộng thị trường xuất khẩu, chính sách kiểm soát chặt chẽ nguyên liệu đầu vào để đảm bảo chất lượng xuất khẩu đầu ra và tìm kiếm khai thác thị trường nước uống thảo dược đóng chai.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



### Những mặt làm được

Năm 2018, Ban Điều hành công ty đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được các kết quả khá ấn tượng như doanh thu năm 2018 đạt 208,00 tỷ đồng và Công ty đã ký kết các hợp đồng xuất khẩu có giá trị lớn trong năm.

Hội đồng quản trị đánh giá cao của Ban Điều hành trong việc thực hiện định hướng chiến lược của Công ty. Trong năm 2018 Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm nước uống thảo dược, ban Điều hành đã rất nỗ lực trong việc lập ra các kế hoạch đưa sản phẩm nước uống thảo dược của Công ty đến tay người tiêu dùng và hứa hẹn sẽ là một mảng kinh doanh tiềm năng của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### Những mặt chưa làm được

Căn cứ vào Định hướng, mục tiêu 2018 và tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thấy rằng, trong năm còn một số mặt hạn chế, tồn tại như sau: Một số nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế là do các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh còn lớn, cần xây dựng các biện pháp tiết giảm chi phí trong năm. Với những tồn tại trên, Hội đồng quản trị cùng với Ban giám đốc sẽ nghiêm túc kiểm điểm, có các biện pháp khắc phục nhanh nhất.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Đánh giá thị trường năm 2019

Theo Tổng cục Thống kê, quy mô của ngành thực phẩm và đồ uống hiện chiếm khoảng 15% trong GDP. Quy mô thị trường trên 93 triệu người cộng với xu hướng tiêu dùng nhanh đang tăng lên là lợi thế rất lớn cho các doanh nghiệp ngành này.

Bên cạnh đó, cùng với sự xuất hiện ngày càng dày đặc các chuỗi bán lẻ như Vinmart, Family Mart, Circle K và sự đầu tư mở rộng mạng lưới phân phối của nhiều nhà bán lẻ lớn từ nước ngoài như BigC, Aeon, Metro... giúp các thương hiệu thực phẩm, đồ uống Việt Nam gia tăng hiện diện trên thị trường, từ đó tăng doanh thu và mở rộng thị phần tiêu thụ.

Báo cáo của Tổ chức Business Monitor International (BMI) dự báo, ngành công nghiệp thực phẩm của Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh đến năm 2020 với mức tăng trung bình 10,9%/năm nhờ thu nhập người dân cải thiện và xu hướng tiêu dùng sản phẩm có giá trị cao hơn sẽ chiếm lĩnh thị hiếu tiêu dùng.

Còn theo nghiên cứu của Vietnam Report, trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, sẽ có 6,1 triệu hộ gia đình Việt Nam thoát khỏi diện nghèo và nằm trong nhóm có thu nhập 5.000 – 10.000 USD/năm.

Nhờ đó, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm và đồ uống sẽ có những bước chuyển tích cực trong tất cả các phân khúc đi kèm với sự dịch chuyển lên nhóm hàng thực phẩm có giá trị cao trong tương lai, hứa hẹn cơ hội tăng trưởng mạnh cho các công ty thực phẩm và thức uống có lợi cho sức khỏe.

Nhìn tổng quan ngành, các chuyên gia nghiên cứu thị trường đều có chung nhận định khi nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn tăng trưởng mới với mức thu hút FDI cao kỷ lục, khách du lịch ngày càng gia tăng, các doanh nghiệp thực phẩm và đồ uống Việt Nam có triển vọng sáng sủa trong thời gian tới.

### Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2019
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	250
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12
3	Cổ tức	Tỷ đồng	12%
4	Lao động bình quân	Triệu	6

### Phương thức thực hiện

Năm 2019, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng trong lĩnh vực xuất khẩu nguyên liệu ngành dược, đồng thời đẩy mạnh chiến lược bán hàng, marketing nhằm gia tăng độ phủ, quảng bá thương hiệu nước uống thảo dược đóng chai tới người tiêu dùng.

Về quy mô, Công ty tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu nguyên liệu ngành dược, nước uống thảo dược sang các thị trường Hàn Quốc, Châu Âu, các nước trong khu vực Đông Nam Á. Lĩnh vực kinh doanh nước uống thảo dược cũng được Công ty đầu tư mạnh mẽ, hướng tới các sản phẩm thảo dược đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch có lợi cho sức khỏe của khách hàng.

Về quản trị, năm 2019, Công ty tiếp tục mở rộng tuyển dụng các nhân sự chủ chốt để thúc đẩy việc mở rộng thị trường nước uống thảo dược đóng chai. Mục tiêu không chỉ đưa sản phẩm nước uống thảo dược tới tay người tiêu dùng Việt Nam mà còn vươn ra thế giới.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	26/04/2016	3	100%
2	Nguyễn Thế Hùng	TV HĐQT	26/04/2017	3	100%
3	Phạm Công Thành	TV HĐQT	26/04/2018	3	100%
4	Lê Thị Mai	TV HĐQT	26/04/2019	3	100%
5	Lê Hữu Lợi	TV HĐQT	26/04/2020	3	100%

### Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các hoạt động chung:

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện tốt việc phân cấp/ phân quyền, giao việc cho Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật nhằm giảm bớt khối lượng công việc cho HĐQT đối với một số vụ việc mang tính hành chính, sự vụ, diễn ra thường xuyên, ổn định, nhằm mục đích để HĐQT tập trung thời gian hơn vào việc hoạch định chính sách, chủ trương và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.

Năm 2018, HĐQT đã ban hành các nghị quyết thông qua chủ trương quan trọng đối với định hướng và phát triển của Công ty, trong đó với nội dung chính sau:

- Kiện toàn, cơ cấu, sắp xếp bộ máy tổ chức và hoạt động Công ty.
- Huy động các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động giám sát của HĐQT:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Tổ chức giám sát thực hiện và chuẩn bị nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2017 vào ngày 22 tháng 04 năm 2017;
  - Tổ chức thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2017;
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ đã ban hành;
- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra;
  - Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;

Số lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm: 3 cuộc họp

### Các nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2018

TT	Số hiệu văn bản	Ngày	Nội dung văn bản
1	01/2018/NQ-ĐHCĐ-VINAHEB	24/01/2018	Lấy ý kiến cổ đông về việc sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty
2	02/2018/NG-ĐHCĐ-VINAHEB	2/4/2018	Họp đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
3	03/2018/NQ-ĐHCĐ-VINAHEB	18/04/2018	Lấy ý kiến cổ đông về việc sửa đổi nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty



## BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phạm Thị Xuân Thu	Trưởng BKS	26/04/2016	2	100%
2	Trần Lệ Hằng	Thành viên BKS	26/04/2016	2	100%
3	Nguyễn Thị Hòa	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 02/04/2018	2	100%
4	Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên BKS	02/04/2018	2	100%

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã nỗ lực hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty Vinaherbfoods liên quan tới công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản, dự án sản xuất, triển khai kinh doanh mới, đồng thời tiến hành kiểm tra định kỳ Báo cáo tài chính của Công ty.

Về tình hình tài chính của Công ty Vinaherbfoods: BKS thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2018 đã được BGD Công ty Vinaherbfoods lập và được Công ty TNHH kiểm toán BDO kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của Công ty Vinaherbfoods tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2018 đến 31/12/2018.

Đánh giá việc tuân thủ Pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT:

Việc tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định của Pháp luật luôn được xác định là một nhiệm vụ quan trọng đối với Công ty Vinaherbfoods. Qua kiểm tra, theo dõi và đánh giá, các hoạt động của Công ty trong năm 2018 được đảm bảo an toàn, tuân thủ theo đúng Pháp luật, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT cũng được các cán bộ quản lý giám sát chặt chẽ. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá BGD và lãnh đạo công ty cũng như các phòng, ban liên quan đã tổ chức thực hiện tốt và không phát sinh rủi ro hay vi phạm nào trọng yếu, ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty Vinaherbfoods.

Bước sang năm 2019, nhiều thách thức và trở ngại từ bên ngoài cùng với sự gia tăng nhanh chóng khối lượng công việc của Công ty, để đạt được những mục tiêu và kế hoạch đề ra của ĐHCĐ, HĐQT, nhiệm vụ của BGD và cán bộ nhân viên hết sức nặng nề. Khó khăn và thách thức còn nhiều đòi hỏi sự nỗ lực của từng cán bộ nhân viên Công ty cũng như sự ủng hộ và tin tưởng của Quý vị Cổ đông. Trong hoạt động của BKS, để phát huy được vai trò và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, BKS sẽ phải cố gắng nhiều hơn nữa và chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các Quý Cổ đông, HĐQT cũng như sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ của BGD và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty Vinaherbfoods.

Số lượng các cuộc họp: 2 cuộc họp

## GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Thành viên HĐQT/KBS/TGD	Chức vụ	Thù lao
Hội đồng quản trị		
Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	
Bà Lê Thị Mai	Thành viên	
Ông Phạm Công Thành	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên	
Ông Lê Hữu Lợi	Thành viên	
Ban Kiểm soát		
Bà Phạm Thị Xuân Thu	Trưởng ban	
Bà Trần Lệ Hằng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	
Ban Tổng giám đốc		
Bùi Tiến Vinh	Tổng giám đốc	
Lê Thị Mai	Phó tổng giám đốc	
Phạm Công Thành	Giám đốc tài chính, kế toán trưởng	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ: KHÔNG CÓ

Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ: KHÔNG CÓ





Năm 2018, Công ty tiếp tục tuân thủ tốt các quy định hiện hành về quản trị công ty đối với công ty niêm yết. Bao gồm:

- Công bố thông tin: Năm 2018, Công ty thực hiện tương đối tốt các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời tới UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội cũng như trên website Công ty. Cũng trong năm 2018, Công ty hướng tới nâng cao chất lượng Báo cáo thường niên cả về mặt nội dung cũng như hình thức báo cáo nhằm truyền tải tốt hơn thông tin đến các cổ đông cũng như cộng đồng nhà đầu tư.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty được tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục.



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

### Mục tiêu

Báo cáo phát triển bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo thường niên nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của TBC ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

### Phạm vi

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty, các đơn vị thành viên trong lĩnh vực điện lực và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2018, bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

### Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo được lập dựa trên hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 155/2012/TT-BTC; dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi”; dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty.

### Địa chỉ liên hệ

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

Địa chỉ: Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội

Điện thoại: 024.33816999

Fax: 024.35990555

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Bảo vệ môi trường đang là một xu thế giúp cho các doanh nghiệp duy trì phát triển bền vững. Năm bắt được xu thế đó, những năm qua, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 còn luôn chú trọng và đề cao công tác bảo vệ môi trường.

- Công ty không những tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động mà còn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường như tuyên truyền các hoạt động bảo vệ môi trường cho người lao động; nghiên cứu các sản phẩm thay thế giúp bảo vệ môi trường,...

- Song song với các hoạt động bảo vệ môi trường trong công ty, Công ty còn rất chú trọng đến việc bảo vệ môi trường tại khu vực thi công. Bên cạnh đó, Công ty còn quan tâm đến việc đào tạo và tổ chức các hoạt động về vấn đề bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức cho CBCNV như yêu cầu mọi CBCNV vệ sinh vị trí làm việc của mình trước khi bắt đầu và kết thúc ca làm việc; trồng thêm cây xanh xung quanh Công ty...



## CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách đào tạo:

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### Chính sách lương thưởng:

Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên các yếu tố: Hiệu quả công việc và gắn liền với trách nhiệm của các cá nhân. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công việc trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan du lịch trong và ngoài nước, để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty.

### Chính sách phúc lợi khác

Công ty tổ chức tặng quà cho CBCNV vào những dịp Lễ, Tết, Ngày phụ nữ Việt Nam, Ngày Quốc tế Phụ nữ...Hàng năm, trao tặng các suất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ các gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, xây nhà tình nghĩa, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do thiên tai, bão lụt...



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH



## MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tra

2 -

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 -

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 -

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 227 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

#### THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25 tháng 04 năm 2016. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 23 tháng 04 năm 2018.

Hoạt động kinh doanh chính: Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu và sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

Công ty có trụ sở tại số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch
- Bà Lê Thị Mai	Thành viên
- Ông Phạm Công Thành	Thành viên
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên
- Ông Lê Hữu Lợi	Thành viên

#### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Bùi Tiến Vinh	Tổng Giám đốc
- Bà Lê Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Công Thành	Giám đốc tài chính

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Tiến Vinh - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

#### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Phạm Thị Xuân Thu	Trưởng Ban Kiểm soát	
- Bà Trần Lệ Hằng	Thành viên	
- Bà Nguyễn Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02/04/2018
- Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02/04/2018

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 227 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được coi và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,  
Tổng Giám đốc  
Bùi Tiến Vinh



Tel: +84 (0)24 37833911/12/13  
Fax: +84 (0)24 37833914  
www.bdo.vn

20<sup>th</sup> Floor, Icon 4 Tower  
243A De La Thanh St  
Dong Da District, Hanoi,  
Vietnam

Số: 152/2019/BCKT-BDO

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (dưới đây được gọi là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019 từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bùi Hữu Vương - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2018-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2018-038-1

BDO Audit Services Co., Ltd. a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO member firms.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>85.781.508.950</b>	<b>86.251.911.760</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.739.560.297</b>	<b>1.427.650.213</b>
1. Tiền	111		1.739.560.297	1.427.650.213
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.762.271.159</b>	<b>40.179.157.645</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	19.750.233.284	869.732.640
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.000.645.875	39.309.425.005
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		11.392.000	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>60.516.140.066</b>	<b>44.342.734.955</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	60.516.140.066	44.342.734.955
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.763.537.428</b>	<b>302.368.947</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	296.560.128	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.466.977.300	302.368.947
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.050.410.295</b>	<b>26.756.510.026</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.546.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		37.546.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.959.057.290</b>	<b>26.366.972.831</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	53.161.885.246	9.614.245.231
Nguyên giá	222		55.079.393.472	9.694.536.037
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.917.508.226)	(80.290.806)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	16.797.172.044	16.752.727.600
Nguyên giá	228		16.800.346.648	16.752.727.600
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.174.604)	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>343.282.000</b>	<b>342.198.555</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		343.282.000	342.198.555
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.710.525.005</b>	<b>47.338.640</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	1.710.525.005	47.338.640
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>157.831.919.245</b>	<b>113.008.421.786</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

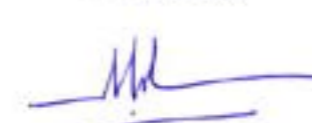
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>56.125.043.798</b>	<b>16.959.064.728</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.525.043.798</b>	<b>11.459.064.728</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	1.304.167.472	1.926.529.715
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	6.587.805.830	5.467.725.830
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.301.503.105	2.010.984.183
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	408.749.333	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	30.527.874	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	41.892.290.184	2.053.825.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.600.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	4.600.000.000	5.500.000.000
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>101.706.875.447</b>	<b>96.049.357.057</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>101.706.875.447</b>	<b>96.049.357.057</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.706.875.447	8.049.357.057
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.049.357.057	28.537.978
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.657.518.390	8.020.819.079
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>157.831.919.245</b>	<b>113.008.421.786</b>

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Ngô Thị Huyền

Phạm Công Thành

Bùi Tiến Vinh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	208.006.106.103	90.662.711.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		208.006.106.103	90.662.711.288
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.368.730.719	76.089.725.505
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.637.375.384	14.572.985.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	239.843.663	212.865.387
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.437.968.503	288.639.922
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.293.437.014</i>	<i>172.791.931</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.465.493.623	3.425.372.283
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.720.683.461	1.065.104.362
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.253.073.460	10.006.734.602
11. Thu nhập khác	31		5.210.401	19.544.197
12. Chi phí khác	32		173.632.313	203.960
13. Lợi nhuận khác	40		(168.421.912)	19.340.237
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.084.651.548	10.026.074.839
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.427.133.158	2.005.255.760
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.657.518.390	8.020.819.080
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	643	3.407
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	643	3.407

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Huyền

Phạm Công Thành

Bùi Tiến Vinh

Báo cáo tài chính này phải được đọc cùng các thuyết minh kèm theo

7

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.084.651.548	10.026.074.839
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.840.392.024	80.290.806
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.883.241)	(66.234.874)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(562.263)	(785.706)
- Chi phí lãi vay	06		2.293.437.014	172.791.931
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.212.035.082	10.212.136.995
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.891.281.215)	(2.270.335.356)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.173.405.111)	(19.838.914.495)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		803.215.132	4.728.064.072
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.959.746.493)	40.490.907
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.215.687.681)	(172.791.931)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.246.657.217)	(15.806.071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31.471.527.503)	(7.317.155.878)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.105.367.739)	(38.095.452.305)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		562.263	785.706
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.104.805.476)	(38.094.666.599)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	43.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		68.533.515.019	15.869.293.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.635.910.790)	(13.347.638.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		38.897.604.229	45.521.655.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		321.271.250	109.832.523
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.427.650.213	1.286.110.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.361.166)	31.707.132
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.739.560.297	1.427.650.213

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Huyền

Phạm Công Thành

Bùi Tiến Vinh

Báo cáo tài chính này phải được đọc cùng các thuyết minh kèm theo

8

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2018

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25 tháng 04 năm 2016. Công ty sau đó nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 2 được cấp ngày 23 tháng 04 năm 2018.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe;
- Xuất khẩu, kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

*Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm, bao gồm:*

- Xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu.
- Sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

*Đặc điểm sản phẩm cung cấp của doanh nghiệp:* Công ty thu mua các nguyên liệu như quế, hồi, thảo quả và sơ chế trước khi xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài; Sản xuất và phân phối nước uống thảo dược đóng chai.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, trong năm không có sự kiện hay hoạt động nào gây ảnh hưởng đáng kể tới Báo cáo tài chính.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội. Công ty không có đơn vị hạch toán phụ thuộc, không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**7. Nhân viên**

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 50 người (tại ngày 31/12/2017 là 12 người).

**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán**

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

*Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch*

- Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Doanh thu, Các khoản phải thu, Nhận trước tiền của người mua, Vay ngoại tệ.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

*Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ*

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là 23.170 VND/USD, là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại thời điểm 31/12/2018. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là 23.270 VND/USD, là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại thời điểm 31/12/2018.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng được thực hiện theo nguyên tắc:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

**Theo dõi khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản phải thu thiếu mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2018 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (xem thêm *Thuyết minh IV.1*).

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi**

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Tại thời điểm 31/12/2018, Ban Giám đốc Công ty đánh giá không có khoản phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02- "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kế khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31/12/2018, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời... nên không cần trích lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định****a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình****Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)**

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

**Nguyên giá TSCĐ HH đã được đánh giá lại trong trường hợp:**

- Theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- Thực hiện tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi hình thức: chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê, chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần, chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	22 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

**Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)**

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**Công nghệ sản xuất nước uống thảo dược**

Nguyên giá TSCĐ của Công nghệ sản xuất nước uống thảo dược được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để nhận được công nghệ chuyển giao. Công nghệ sản xuất nước uống thảo dược được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất tại Tô Hiến Thành không thời hạn không phải trích khấu hao.

**Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ**

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

**6. Nguyên tắc kế toán thuế****a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

**b) Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Thời gian phân bổ</u>
Công cụ, dụng cụ xuất đúng	01 - 03 năm
Chi phí khấu hao	24 tháng
Chi phí trả trước khác	06 - 36 tháng

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD...)

**Theo dõi các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tắc. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời hạn trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2018 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (xem thêm *Thuyết minh IV.1*).

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay****Ghi nhận chi phí đi vay**

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

**Chi phí đi vay được vốn hóa**

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16- "Chi phí đi vay".

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Trong năm, Công ty phát sinh các khoản chi phí lãi vay vốn hóa vào giá trị hệ thống dây chuyền sản xuất nước uống thảo mộc đông chai.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc kỳ tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng, bao gồm các khoản: tiền điện, nước, điện thoại.....

**Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả**

- **Phải trả chi phí làm thang máy:** Căn cứ hợp đồng mua bán, lập đặt ký kết với nhà cung cấp.
- **Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau:** Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu:** Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

**b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí bán hàng:** Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ như: chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê mướn; chi phí bằng tiền khác.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong năm.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (xem Tuyên bố minh IV.6)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.729.947.604	1.346.629.568
Tiền gửi ngân hàng	9.612.693	81.020.645
<b>Cộng</b>	<b>1.739.560.297</b>	<b>1.427.650.213</b>
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>1.739.560.297</b>	<b>1.427.650.213</b>

**2. Phải thu khách hàng****2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
K. Mahendrakumar Impex LLP	-	814.212.000
M/S SONICA AGRIC FOODS	3.542.952.505	-
CÔNG TY CP SENSPICES VIỆT NAM	10.546.140.000	-
S&S FAR EAST (S) PTE.LTD	2.263.709.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Mai Khang	2.777.724.225	-
Công ty TNHH TM và sản xuất Tuấn Minh	601.000.000	-
PINNACLE IMPEX	-	55.520.640
Các khách hàng còn lại	18.707.554	-
<b>Cộng</b>	<b>19.750.233.284</b>	<b>869.732.640</b>

**3. Trả trước cho người bán****3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng Skyline	-	84.000.000
Công ty TNHH Ecofarm Việt Nam	-	38.051.500.000
Công ty TNHH SAN MIGUEL YAMAMURA Hải Phòng	-	569.250.000
Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại dịch vụ An Bình	-	388.175.005
Công ty cổ phần chứng khoán FPT	-	60.500.000
Công ty CP Lộc Thiên	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Quảng cáo AHA	172.700.000	-
Công ty TNHH Thương mại Minh Long	331.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Mỹ Lệ	224.152.000	-
Các nhà cung cấp còn lại	272.793.875	156.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.000.645.875</b>	<b>39.309.425.005</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****4. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.350.183.861	-	10.450.000.000	-
Thành phẩm	2.228.779.871	-	-	-
Hàng hóa	41.937.176.334	-	33.892.734.955	-
<b>Cộng</b>	<b>60.516.140.066</b>	<b>-</b>	<b>44.342.734.955</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí trả trước****5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	184.987.147	-
Chi phí trả trước khác	111.572.981	-
<b>Cộng</b>	<b>296.560.128</b>	<b>-</b>

**5.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	902.079.561	47.338.640
Chi phí khuôn chai	474.375.000	-
Chi phí trả trước khác	334.070.444	-
<b>Cộng</b>	<b>1.710.525.005</b>	<b>47.338.640</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	16.752.727.600	-	16.752.727.600
Mua trong năm	-	47.619.048	47.619.048
Giảm khác	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.752.727.600</b>	<b>47.619.048</b>	<b>16.800.346.648</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	3.174.604	3.174.604
Giảm khác	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>3.174.604</b>	<b>3.174.604</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	16.752.727.600	-	16.752.727.600
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.752.727.600</b>	<b>44.444.444</b>	<b>16.797.172.044</b>

**Trong đó:**

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 0 VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số đầu năm	8.247.272.400	-	1.393.636.364	53.627.273	9.694.536.037
Mua trong năm	-	42.002.452.995	637.769.091	1.030.300.092	43.670.522.178
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.714.335.257	-	-	-	1.714.335.257
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	9.961.607.657	42.002.452.995	2.031.405.455	1.083.927.365	55.079.393.472
Hao mòn lũy kế	31.239.668	-	37.878.788	11.172.350	80.290.806
Số đầu năm	119.693.780	1.401.363.220	250.754.507	65.405.913	1.837.217.420
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	150.933.448	1.401.363.220	288.633.295	76.578.263	1.917.508.226
Số cuối năm	8.216.032.732	-	1.355.757.576	42.454.923	9.614.245.231
Giá trị còn lại	9.810.674.209	40.601.089.775	1.742.772.160	1.007.349.102	53.161.888.246
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Trong đó:	-	-	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng  
Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng  
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay: 38.267.712.064 đồng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

17

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 8. Tài sản dở dang dài hạn

#### 8.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	343.282.000	342.198.555
Cộng	343.282.000	342.198.555

### 9. Phải trả người bán

#### 9.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tiên Thành	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP in Hồng Hà	338.088.340	338.088.340	-	-
Công ty TNHH Công nghệ sản xuất	121.000.000	121.000.000	-	-
Công ty TNHH Kinh doanh và đầu	195.580.000	195.580.000	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận Quốc tế BP	303.600.525	303.600.525	426.529.715	426.529.715
Các nhà cung cấp còn lại	345.898.607	-	-	-
Cộng	1.304.167.472	958.268.865	1.926.529.715	1.926.529.715

### 10. Người mua trả tiền trước

#### 10.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Jetmall spice and masala private limited	216.171.830	216.171.830
M/S-MD. Mominul Hoque	789.264.000	789.264.000
Great Aravind Co., Ltd	2.433.564.000	2.433.564.000
M/S DAS IMPEX	793.800.000	793.800.000
M/S. Saleha Rahman	1.234.926.000	1.234.926.000
AGRICOM LANKA PVT LTD	1.120.080.000	-
Cộng	6.587.805.830	5.467.725.830

### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

#### 11.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.996.584.183	1.427.133.158	2.246.657.217	1.177.060.124
Thuế thu nhập cá nhân	14.400.000	139.442.981	29.400.000	124.442.981
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.010.984.183	1.569.576.139	2.279.057.217	1.301.503.105

### 12. Chi phí phải trả

#### 12.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả chi phí thang máy	331.000.000	-
Phải trả lãi vay	77.749.333	-
Cộng	408.749.333	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

18

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 13. Phải trả khác

13.1 Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
Bảo hiểm xã hội		10.517.874		-
Bảo hiểm y tế		12.006.000		-
Bảo hiểm thất nghiệp		8.004.000		-
<b>Cộng</b>		<b>30.527.874</b>		<b>-</b>

## 14. Vay và nợ thuê tài chính

## 14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu (i)	1.553.825.000	1.553.825.000	11.188.583.910	11.095.474.660	1.646.934.250	1.646.934.250
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức (ii)	-	-	57.395.645.934	18.050.290.000	39.345.355.934	39.345.355.934
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức	500.000.000	500.000.000	900.000.000	500.000.000	900.000.000	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.053.825.000</b>	<b>2.053.825.000</b>	<b>12.241.529.844</b>	<b>19.645.764.660</b>	<b>41.892.290.184</b>	<b>41.892.290.184</b>

## Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính ngắn hạn

(i): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001/LAV/201600439 ngày 01/11/2016 với gốc vay cuối kỳ là 70.775 USD, lãi suất và thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ phát sinh trong kỳ.

(ii): Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2018/10162562/HDTC ngày 06/07/2018. Hạn mức cấp tín dụng 40 tỷ đồng. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, thanh toán, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Thời hạn cho vay quy định trên các hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất vay được quy định trên hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo: hệ thống sản xuất nước thảo mộc đóng chai đồng bộ, công suất 4.000 sản phẩm/giờ.

## 14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức (i)	5.500.000.000	5.500.000.000	-	900.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>5.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>900.000.000</b>	<b>4.600.000.000</b>	<b>4.600.000.000</b>

## Chi tiết các khoản vay ngân hàng và các công ty tài chính dài hạn

(i): Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/10162562 đứng để đầu tư dây chuyền nước thảo mộc đóng chai công suất 4000 sản phẩm/giờ. Thời hạn vay: 60 tháng, Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần theo nguyên tắc lãi tiền gửi tiết kiệm VND cộng biên độ 4%. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 08/2018/10162562/HDTC ngày 26/06/2018, với tài sản thế chấp là: hệ thống sản xuất nước thảo mộc đóng chai đồng bộ, công suất 4.000 sản phẩm/giờ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

## 15. Vốn chủ sở hữu

## 15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	20.000.000.000	28.537.978	20.028.537.978
Tăng vốn trong năm trước	68.000.000.000	-	68.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	8.020.819.080	8.020.819.080
<b>Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay</b>	<b>88.000.000.000</b>	<b>8.049.357.057</b>	<b>96.049.357.057</b>
Lợi nhuận trong năm	-	5.657.518.390	5.657.518.390
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>88.000.000.000</b>	<b>13.706.875.448</b>	<b>101.706.875.448</b>

## 15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ đông sáng lập</b>		
Ông Bùi Tiến Vinh	15.000.000.000	15.000.000.000
Ông Phạm Công Thành	2.500.000.000	2.500.000.000
Ông Nguyễn Thế Hùng	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Các cổ đông lớn</b>		
Bà Nguyễn Thị Mui	25.000.000.000	25.000.000.000
Bà Lê Thị Mai	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Các cổ đông còn lại</b>	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>88.000.000.000</b>	<b>88.000.000.000</b>

## 15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	20.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	68.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<b>88.000.000.000</b>	<b>88.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

## 15.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	203.905.827.437	90.662.711.288
Doanh thu bán thành phẩm	4.100.278.666	-
<b>Cộng</b>	<b>208.006.106.103</b>	<b>90.662.711.288</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hoá đã bán	184.722.663.049	76.089.725.505
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.646.067.670	-
<b>Cộng</b>	<b>187.368.730.719</b>	<b>76.089.725.505</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	562.263	785.706
Lãi chênh lệch tỷ giá	239.281.400	212.079.681
<b>Cộng</b>	<b>239.843.663</b>	<b>212.865.387</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.293.437.014	172.791.931
Lỗ chênh lệch tỷ giá	144.531.489	115.847.991
<b>Cộng</b>	<b>2.437.968.503</b>	<b>288.639.922</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.160.627.164	-
Chi phí vật liệu, bao bì	117.496.475	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	190.239.795	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.166.107	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.918.464.082	3.425.372.283
Chi phí bằng tiền khác	71.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.465.493.623</b>	<b>3.425.372.283</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	534.604.243	657.600.000
Chi phí vật liệu quản lý	68.000.995	42.661.816
Chi phí đồ dùng văn phòng	323.436.485	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	219.425.431	80.290.806
Thuế, phí và lệ phí	9.039.091	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.516.649.111	281.551.740
Chi phí bằng tiền khác	49.528.105	-
<b>Cộng</b>	<b>2.720.683.461</b>	<b>1.065.104.362</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.397.190.664	-
Chi phí nhân công	3.310.764.730	657.600.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	742.861.777	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.840.392.024	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.639.748.234	3.706.924.023
Chi phí khác bằng tiền	130.067.196	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.061.024.625</b>	<b>4.367.524.023</b>

**8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.427.060.124	2.005.255.760
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	73.034	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.427.133.158</b>	<b>2.005.255.760</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	7.084.651.548	10.026.074.839
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>50.649.071</b>	<b>203.960</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	50.649.071	203.960
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	50.649.071	203.960
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước</b>	<b>7.135.300.619</b>	<b>10.026.278.799</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	7.135.300.619	10.026.278.799
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>1.427.060.124</b>	<b>2.005.255.760</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.657.518.390	8.020.819.080
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	5.657.518.390	8.020.819.080
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	8.800.000	2.353.973
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>643</b>	<b>3.407</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	8.800.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	6.800.000
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	2.353.973

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương và phụ cấp	79.800.000	72.000.000
<b>Góp vốn trong năm</b>		
Bà Lê Thị Mai - Thành viên HĐQT	-	10.000.000.000
Ông Lê Hữu Lợi - Thành viên HĐQT	-	3.000.000.000

**2.2 Các cá nhân có liên quan**

Danh sách các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

Tên cá nhân	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Thị Mùi	Có đóng lớn

Giao dịch với các cá nhân này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Bà Nguyễn Thị Mùi</b>		
Góp vốn	-	25.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****2.3 Các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiên Thành	Công ty của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh	Bà Lê Thị Mai - Thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiên Thành</b>		
Mua tài sản cố định	-	1.363.636.364
<b>Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tuấn Minh</b>		
Mua hàng hóa	8.705.160.000	9.990.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả</b>		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiên Thành	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>1.500.000.000</b>

**Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác**

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**3. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Huyền

Phạm Công Thành

Bùi Tiến Vinh